TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số:111/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11//2019
V/v**:** "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

2/ Ông Lê Đức Sơn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 363/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20/9/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 6, ấp 5, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Hoàng N, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số 10, đường Lê Hồng Phong, khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu thì chị và anh Hoàng N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài vào năm 2011. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên nhậu say xỉn về nhà gây gỗ và có nhiều lời nói xúc phạm đến chị và gia đình chị. Ngoài ra, bản thân anh N không có nghề nghiệp ổn định và không quan tâm đến kinh tế gia đình, điều này khiến tình cảm vợ chồng thêm rạn nứt. Đến đầu năm 2019, sau một lần cãi vã, anh N đã đánh chị gãy xương sườn và phải nhập viện, anh chị ly thân từ đó đến nay mỗi người sống một nơi không còn quan tâm nhau, đây cũng là lần thứ hai anh chị ly thân. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh N không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Hoàng Phạm Gia H, sinh ngày 26/02/2012, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng chị T yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa chị T chỉ yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019, biên bản hòa giải ngày 14/10/2019 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Hoàng N khai: Anh và chị Phạm Thị Bích T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đức Tài. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, bản thân anh không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, chi phí cho sinh hoạt gia đình chủ yếu do chị T lo. Anh N thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã từng ly thân khoảng thời gian 02 năm. Theo anh N nguyên nhân khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã là do vấn đề tài chính trong gia đình và một phần xuất phát từ việc anh có uống rượu bia say xỉn, chị T hay cằn nhằn nên vợ chồng nhiều lần lời qua tiếng lại. Vào đầu năm 2019, sau khi vợ chồng cãi vã, vì không kìm chế được nên anh đã đánh chị T. Sau lần đó, anh đã tìm cách để vợ chồng hàn gắn lại với nhau tuy nhiên không được. Từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, chị T làm ăn và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh còn anh về Đức Linh sống cùng với cha mẹ. Nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh N thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu H do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên vì anh không đồng ý ly hôn nên

chưa có ý kiến cụ thể về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N đã có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài không hàn gắn được tình cảm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, đồng thời giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng: Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T với mức 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp, do đó cần được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Khi chi Phạm Thị Bích T nộp đơn khởi kiện thì anh Hoàng N đang sinh sống tại thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt anh N nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 8/11/2019. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị T và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của chị T, anh N và giấy khai sinh do UBND xã Đức Hạnh cấp cho người được khai sinh tên Hoàng Phạm Gia H thì có đủ cơ sở xác định, Gia H là con chung của chị T và anh N. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Xuất phát từ vấn đề tài chính trong gia đình và việc anh N có hành vi hay uống rượu, bia say xỉn và sử dụng bạo lực với chị T, nên đã làm rạn nứt tình cảm giữa vợ chồng. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, anh chị không thể sống chung, đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị T khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh N cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nhưng trong thời gian ly thân anh không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm, thiếu quan tâm thăm hỏi đến vợ con. Từ đó có đủ cơ sở để khẳng định, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy cháu H đã có cuộc sống ổn định cùng mẹ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng mẹ; đồng thời, chị T là người có đạo đức tốt, có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển tốt về thể chất cả tinh thần của cháu H, sau chị T và anh N ly hôn cần giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con là nghĩa vụ bắt buộc được được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với định mức 1.000.000đồng/01 tháng của chị T là phù hợp với điều kiện sống thực tế hiện nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì chị T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự 2008; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Phạm Thị Bích T ly hôn Hoàng N.

2. Về con chung : Giao cho chị Phạm Thị Bích T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con: Hoàng Phạm Gia H, sinh ngày 26/02/2012. Buộc anh Hoàng N cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Thời hạn cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày chị T có đơn thi hành án thì hàng tháng, anh N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải cấp dưỡng.

3. Về án phí**:** Chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025690 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh

Hoàng Nhiệm phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (18/11/2019); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Ngọc Thuận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đức Tài;
- Lưu.